

THE GOVERNMENT

No. 108/2018/ND-CP

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, August 23, 2018

DECREE
(NGHỊ ĐỊNH)

ON AMENDMENTS TO SOME ARTICLES OF THE GOVERNMENT'S DECREE NO.
78/2015/ND-CP DATED SEPTEMBER 14, 2015 ON ENTERPRISE REGISTRATION
*(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2015/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG
9 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP)*

*Pursuant to the Law on Government Organization dated June 19, 2015;
(Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;)*

*Pursuant to the Law on Enterprises dated November 26, 2014;
(Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;)*

*Pursuant to the Law on Investment dated November 26, 2014;
(Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;)*

*Pursuant to the Law on Provision of Assistance for Small and Medium-Sized Enterprises dated
June 12, 2017;
(Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;)*

*Pursuant to the Law on Tax Administration dated November 29, 2006;
(Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;)*

*Pursuant to the Law on Amendments to some Articles of the Law on Tax Administration dated
November 20, 2012;
(Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;)*

*At the request of the Minister of Planning and Investment;
(Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;)*

*The Government hereby promulgates a Decree to amend some Articles of the Government's
Decree No. 78/2015/ND-CP dated September 14, 2015 on enterprise registration.
(Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP
ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.)*

**Article 1. Amendments to some Articles of the Government's Decree No. 78/2015/ND-CP
dated September 14, 2015 on enterprise registration**
*(Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm
2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp)*

1. Clause 4 is added to Article 4 as follows:
(1. Bổ sung Khoản 4 Điều 4 như sau:)



“4. The enterprise is not required to append a seal on the application form for enterprise registration, notification of changes of enterprise registration, resolutions, decisions and minutes of meeting in the application for enterprise registration”.

(“4. Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”.)

2. Article 11 is amended as follows:

(2. Sửa đổi Điều 11 như sau:)

“Article 11. Authorization of enterprise registration

(“Điều 11. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)

In case the person that has the power to sign the application form for enterprise registration authorizes another organization or individual to follow enterprise registration procedures, the authorized person must submit one of the personal identification papers prescribed in Article 10 of this Decree (hereinafter referred to as “ID papers”) together with:

(Trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này, kèm theo:)

1. A legitimate copy of the service contract between the enterprise registration agent, and a letter of introduction; or

(1. Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; hoặc)

2. The letter of attorney as prescribed by law. The letter is not required to be notarized or certified”.

(2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực”.)

3. Point d of Clause 1 is amended and Clause 3 of Article 16 is repealed as follows:

(3. Sửa đổi điểm d Khoản 1, bãi bỏ Khoản 3 Điều 16 như sau:)

“d) Instruct Business Registration Offices to digitize applications, standardize data and update local enterprise registration data on National Enterprise Registration Database”.

(“d) Hướng dẫn Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.)

4. Clause 4 of Article 23 is amended as follows:

(4. Sửa đổi Khoản 4 Điều 23 như sau:)

“4. Legitimate copies of: (*“4. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:)*

a) One of the ID papers of the company’s owner if the company is owned by is an individual;



(a) Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân;)

b) The decision on establishment or certificate of enterprise registration or an equivalent document of the company's owner if the company's owner is an organization (except for the State);

(b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

c) The certificate of investment registration if the enterprise is founded by foreign investors or foreign-invested business organizations according to the Law on Investment and its instructional documents.”.

(c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành”.)

5. Clause 6 is added to Article 25 as follows:

(5. Bổ sung Khoản 6 Điều 25 như sau:)

“6. The enterprise may register conversion of an enterprise and register changes of enterprise registration information or notification of other enterprise registration information, except registration of change of the legal representative.

In this case, the application for registration of conversion shall comply with Clauses 1, 2, 3 and 4 of this Article”.

(“6. Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác, trừ trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thực hiện tương ứng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này”.)

6. Article 25a below is added after Article 25:

(6. Bổ sung Điều 25a sau Điều 25 như sau:)

“Article 25a. Registering establishment of an enterprise on the basis of conversion from a business household

(“Điều 25a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh)

1. The establishment of an enterprise on the basis of conversion from a business household shall be registered at Business Registration Office of the area where the enterprise's headquarters is located.

(1. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.)

2. The application for registration of enterprise establishment on the basis of conversion from a business household includes an original of the certificate of business household registration, legitimate copy of the tax registration certificate and documents specified in Articles 21, 22 and 23 of this Decree that vary according to the type of business.



(2. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh bao gồm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế và các giấy tờ quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp.)

3. Within 02 working days from the issuance date of the certificate of enterprise registration, Business Registration Office shall send a copy of the certificate of enterprise registration and original certificate of business household registration to the business registration authority of the district where the business household is located to shut down the business household's operation".

(3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở để thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh".)

7. Clause 3 of Article 28 is amended as follows:

(7. Sửa đổi Khoản 3 Điều 28 như sau:)

"3. After the aforementioned deadline, if the certificate of enterprise registration or certificate of change of enterprise registration information is not issued or enterprise registration information on National Enterprise Registration Database is not changed, or no notification of necessary revisions and supplementation to the application for enterprise registration is received, the enterprise or its founder is entitled to lodge a complaint or denunciation as prescribed by regulations of law on complaints and denunciation".

("3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc không được thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo".)

8. Clause 2 of Article 29 is amended as follows:

(8. Sửa đổi Khoản 2 Điều 29 như sau:)

"2. Every enterprise may submit the application for enterprise registration and receive the certificate of enterprise registration or certificate of change of enterprise registration information directly at Business Registration Office or pay a charge to receive it by post".

("2. Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký để nộp hồ sơ, nhận kết quả qua đường bưu điện".)

9. Clause 2 of Article 33 is amended as follows:

(9. Sửa đổi Khoản 2 Điều 33 như sau:)

"2. Notification of establishment of business location:

("2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh:)

The business location of an enterprise may be located outside its headquarters. Within 10 working days from the date of establishment of business location, the enterprise shall send a



notification to Business Registration Office of the area where the business location is located. The notification shall contain:

(Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Nội dung thông báo gồm:)

a) The enterprise ID number;

(a) Mã số doanh nghiệp;)

b) Name and address of the enterprise's headquarters or branch (if the business location is located in a province where the enterprise's branch is located);

(b) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc tên và địa chỉ chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh được đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở);)

c) Name and address of the business location;

(c) Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh;)

d) Business lines of the business location;

(d) Lĩnh vực hoạt động của địa điểm kinh doanh;)

dd) Full name, residence, ID number/passport number or number of another ID paper of the head of the business location;

(đ) Họ, tên, nơi cư trú, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này của người đứng đầu địa điểm kinh doanh;)

e) Full name and signature of the legal representative of the enterprise if the business location is affiliated to the enterprise; full name, signature of the head of the branch if the business location is affiliated to the branch”.

(e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc họ, tên, chữ ký của người đứng đầu chi nhánh đối với trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh”.)

10. Clause 5 is amended and Clause 6 is added to Article 34 as follows:

(10. Sửa đổi Khoản 5, bổ sung Khoản 6 Điều 34 như sau:)

“5. When an enterprise or its branch/representative office receives a notification that its seal design has been posted on the National Business Registration Portal, the previous notifications are no longer valid.

(“5. Trường hợp thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện các lần trước đó không còn hiệu lực.)

6. If the procedures for notifying seal design are followed electronically, the enterprise is not required submit physical documents about the seal design to Business Registration Office”.

(6. Trường hợp thực hiện thủ tục thông báo mẫu dấu qua mạng điện tử, doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ thông báo mẫu dấu bằng bản giấy đến Phòng Đăng ký kinh doanh”.)



11. Clause 3 is amended and Clause 4 is added to Article 36 as follows:

(11. Sửa đổi Khoản 3, bổ sung Khoản 4 Điều 36 như sau:)

“3. Online applications for enterprise registration must be authenticated with public digital signatures or business registration accounts of one of the following entities:

(“3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài Khoản đăng ký kinh doanh của một trong các chủ thể sau đây:)

a) An individual that has the power to sign the application form for enterprise registration as prescribed;

(a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo quy định;)

b) A person authorized by the individual specified in Point a Clause 3 of this Article to follow enterprise registration procedures. In this case, the online application for enterprise registration must be submitted together with the documents specified in Article 11 of this Decree.

(b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 11 Nghị định này.)

4. The revision and supplementation to the online application for enterprise registration shall be made within 60 days from the date on which Business Registration Office gives a notification of necessary revisions and supplementation to the application. After the aforementioned deadline, if Business Registration Office does not receive the supplemented application, it will cancel the application for enterprise registration in accordance with the procedures on the National Enterprise Registration Information System”.

(4. Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.)

12. Article 37 is amended as follows:

(12. Sửa đổi Điều 37 như sau:)

“Article 37. Procedures for online enterprise registration using public digital signatures

(“Điều 37. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng)

1. The individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree shall enter information, download electronic documents, append the digital signature on the electronic registration application, and pay fees online according to the procedures on National Business Registration Portal.

(1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

2. After the application is sent, the individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree will receive a confirmation slip.



(2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.)

3. If the application is satisfactory, Business Registration Office shall send information to the tax authority to automatically generate an enterprise ID number. After receiving the enterprise ID number from the tax authority, Business Registration Office shall issue the certificate of enterprise registration and notify the applicant. If the application is not satisfactory, Business Registration Office shall send an electronic notification to the applicant for revision or supplementation of the application.

(3. Trường hợp hồ sơ đủ Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.)

4. Procedures for online enterprise registration are also applied to registration of the enterprise's branches, representative offices, and business locations".

(4. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp".)

13. Article 38 is amended as follows:

(13. Sửa đổi Điều 38 như sau:)

“Article 38. Procedures for online enterprise registration using business registration account

(“Điều 38. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp sử dụng Tài Khoản đăng ký kinh doanh)

1. The individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree shall enter information on National Business Registration Portal in order to be issued with a business registration account.

(1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này kê khai thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để được cấp Tài Khoản đăng ký kinh doanh.)

2. The individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree shall use the business registration account to enter information, download electronic documents, and authenticate the online application for enterprise registration according to the procedures on National Business Registration Portal.

(2. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sử dụng Tài Khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

3. After the application is sent, the individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree will receive a confirmation slip.

(3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.)



4. Business Registration Office shall examine the application and send an electronic notification to the applicant for revision or supplementation of the application if it is not satisfactory. If the application is satisfactory, Business Registration Office shall send information to the tax authority to generate an enterprise ID number. After receiving the enterprise ID number from the tax authority, Business Registration Office shall notify the applicant of the issuance of the certificate of enterprise registration.

(4. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

5. After receiving the notification of issuance of the certificate of enterprise registration, the individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree shall submit a physical application for enterprise registration enclosed with the confirmation slip to Business Registration Office. The individual specified in Clause 3 Article 36 of this Decree may submit a physical application for enterprise registration enclosed with the confirmation slip to Business Registration Office, whether directly or by post.

(5. Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này có thể nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy và Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua đường bưu điện.)

6. After receiving the physical application, Business Registration Office shall compare documents therein with the documents submitted online and issue the certificate of enterprise registration if they are consistent.

If they are inconsistent, Business Registration Office shall request the applicant to complete the application.

If Business Registration Office does not receive the physical application within 30 days from the date on which the notification of issuance of the certificate of enterprise registration is sent, the online application is no longer valid.

(6. Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.

Trường hợp hồ sơ bằng bản giấy và hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử là không thống nhất, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.)

7. The person that has the power to sign the application form for enterprise registration is responsible for the completeness and accuracy of the physical application compared to the online application. In case the physical application is not consistent with the online application but the applicant fails to notify Business Registration Office, it will be considered fraudulent and dealt with as prescribed in Clause 1 Article 63 of this Decree.



(7. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định này.)

8. Procedures for online enterprise registration are also applied to registration of the enterprise's branches, representative offices, and business locations".

(8. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.)

14. Article 44 is amended as follows:

(14. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau;)

“Article 44. Registration of change of charter capital or capital contribution (stake) ratio
(“Điều 44. Đăng ký thay đổi vốn Điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp)

1. In case of change of ratio of capital contributions by members of a multi-member limited liability company, of general partners of a partnership, the enterprise shall send a notification to Business Registration Office where the enterprise was registered.

The notification shall contain:

(1. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của các thành viên hợp danh công ty hợp danh, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung Thông báo gồm:)

a) Name, enterprise ID number, TIN, or number of certificate of business registration (in case the enterprise has not had an enterprise ID number or TIN);

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);)

b) Full name, address, nationality, ID number/passport number or number of another ID paper, or number of decision on establishment, enterprise ID number of each member/general partner.

(b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;)

c) The ratio of capital contribution of each member/general partner;

(c) Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc của mỗi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;)

d) Registered charter capital and new level of charter capital; time and method of increasing/decreasing capital;

(d) Vốn Điều lệ đã đăng ký và vốn Điều lệ đã thay đổi; thời điểm và hình thức tăng giảm vốn;)



dd) Full name, nationality, ID number/passport number or number of another ID paper, permanent residence, and signature of the enterprise's legal representative or authorized general partner.

(đ) Họ, tên, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này, địa chỉ thường trú và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc thành viên hợp danh được ủy quyền đối với công ty hợp danh.)

2. In case of change of charter capital, the notification prescribed in Clause 1 of this Article must be enclosed with the decision and legitimate copy of the minutes of meeting of the Board of Members (if the enterprise is a multi-member limited liability company), the General Meeting of Shareholders (if the enterprise is a joint-stock company), or decision of the company's owner (if the enterprise is a single-member limited liability company) on change of charter capital; a written approval for capital contribution, purchase of shares/stakes by foreign investors given by the Department of Planning and Investment of the province in the case mentioned in Clause 1 Article 26 of the Law on Investment. The decision and minutes of meeting must specify the changes in the company's charter.

(2. Trường hợp đăng ký thay đổi vốn Điều lệ công ty, kèm theo thông báo quy định tại Khoản 1 Điều này phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi vốn Điều lệ của công ty; văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật đầu tư. Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.)

3. If the General Meeting of Shareholders ratifies offering of shares to increase charter capital and assigns the Board of Directors to complete procedures for registration of charter capital after the end of each offering, the notification prescribed in Clause 1 of this Article and application for permission to increase charter capital must be enclosed with:

(3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn Điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn Điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần, kèm theo Thông báo quy định tại Khoản 1 Điều này, hồ sơ đăng ký tăng vốn Điều lệ phải có:)

a) A decision and legitimate copy of the minutes of meeting of the General Meeting of Shareholders on offering of shares to increase charter capital, which specifies the quantity of shares offered and that the Board of Directors will complete procedures for registration of charter capital after each offering;

(a) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn Điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn Điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần;)

b) A decision and legitimate copy of minutes of meeting of the Board of Directors of the joint-stock company on registration of increase of charter capital after each offering.

(b) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn Điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần.)

4. In case charter capital is decreased, the company must promise to settle all debts and other liabilities after capital decrease.

(4. Trường hợp giảm vốn Điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các Khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.)

5. In case the resolution or decision on change of charter capital has been legally approved as prescribed by the Law on Enterprise but a member or shareholder is dead, lost or absent in residence, kept in temporary detention, sentenced to imprisonment, incapacitated or has limited legal capacity or refuses to sign the list of members, list of founding shareholders and list of foreign shareholders, the aforementioned lists are not required to bear the signature of such member or shareholder.

(5. Trường hợp nghị quyết, quyết định về việc thay đổi vốn Điều lệ đã được thông qua hợp pháp theo quy định của Luật doanh nghiệp mà có thành viên, cổ đông bị chết, mất tích, vắng mặt tại nơi cư trú, tạm giam, kết án tù, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc từ chối ký tên vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thì không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên, cổ đông đó trong các danh sách nêu trên.)

6. When receiving the notification, Business Registration Office shall give a confirmation slip, examine the validity of documents, and issue the certificate of enterprise registration”.

(6. Khi nhận thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp”.)

15. Clause 1 of Article 45 is amended as follows:

(15. Sửa đổi Khoản 1 Điều 45 như sau:)

“1. In case the admission of new members results in increase of charter capital, the company shall send a notification to Business Registration Office where the company was registered. The notification shall contain:

(“1. Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn Điều lệ, công ty gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm:)

a) Name, enterprise ID number, TIN, or number of certificate of business registration (in case the enterprise has not had an enterprise ID number or TIN);

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);)

b) Names, enterprise ID numbers, addresses of headquarters of members being organizations; full names, nationalities, ID numbers/passport numbers or numbers of other ID papers of members being individuals; value of capital contribution, time of capital contribution, type of assets contributed as capital, quantity and value of each type of assets contributed as capital by the new members;

(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phân vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới;)



c) Capital contributions that are changed after admission of new members;
(c) *Phần vốn góp đã thay đổi của các thành viên sau khi tiếp nhận thành viên mới;*)

d) Charter capital of the company after admission of new members;
(d) *Vốn Điều lệ của công ty sau khi tiếp nhận thành viên mới;*)

dd) Full name and signature of the legal representative of the company.
(đ) *Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.*)

The notification must be enclosed with:
(*Kèm theo thông báo phải có:*)

- A decision and legitimate copy of minutes of meeting of the Board of Members on admission of new members and increase of charter capital. The decision and minutes of meeting must specify the changes in the company's charter.

(- *Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới và tăng vốn Điều lệ. Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty;*)

- Certifications of new members' capital contribution;
(- *Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty;*)

- A legitimate copy of the decision on establishment or certificate of enterprise registration or an equivalent document, a legitimate copy of one of the ID papers of the authorized representative and letter of attorney of each member being an organization, legitimate copy of one of the ID papers of each member being an individual;

(- *Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của thành viên là cá nhân;*)

- A written approval for capital contribution, purchase of shares/stakes by foreign investors given by Department of Planning and Investment of the province in the case mentioned in Clause 1 Article 26 of the Law on Investment.

When receiving the notification, Business Registration Office shall give a confirmation slip, examine the validity of documents, and issue the certificate of enterprise registration”.

(- *Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật đầu tư.*

Khi nhận thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp”.)

16. Article 51 is amended as follows:
(16. *Sửa đổi Điều 51 như sau:*)

“Article 51. Notification of change of information about founding shareholders of joint-stock companies

(*“Điều 51. Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần)*



1. The founding shareholders prescribed in Clause 2 Article 4 of the Law on Enterprises shall be enumerated on the list of founding shareholders which is submitted to Business Registration Office upon registration of the enterprise establishment.

(1. Cổ đông sáng lập quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật doanh nghiệp là cổ đông sáng lập được kê khai trong Danh sách cổ đông sáng lập và nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.)

2. A notification of changes of information about founding shareholders shall be only sent to Business Registration Office in case the founding shareholders have not paid or have partly paid for the shares they register according to Clause 1 Article 112 of the Law on Enterprises. Founding shareholders who have not paid for the shares they register are indisputably no longer shareholders of the company according to Point a Clause 3 Article 112 of the Law on Enterprises and shall be removed from the list of founding shareholders of the company.

(2. Việc thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập với Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ thực hiện trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông công ty theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp và bị xóa tên khỏi Danh sách cổ đông sáng lập của công ty.)

3. The company has the responsibility to notify the change of its foreign shareholders within 30 days from the deadline for sufficiently paying for the shares they register according to Clause 1 Article 112 of the Law on Enterprises. Otherwise, it will incur penalties in accordance with penalties for administrative violations against regulations on planning and investment.

(3. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Trường hợp có thay đổi mà doanh nghiệp không thông báo thì sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.)

4. In case of change of information about founding shareholders, the company shall send a notification to Business Registration Office where the company was registered. The notification shall contain:

(4. Trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập, công ty gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm:)

a) Name, enterprise ID number, TIN, or number of certificate of business registration (in case the enterprise has not had an enterprise ID number or TIN);

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);)

b) Name, address of the headquarters, number of decision on establishment of each founding shareholder being an organization or full name, ID number/passport number or number of another ID paper of each founding shareholder being an individual;

(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông sáng lập là tổ chức hoặc họ, tên, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này đối với cổ đông sáng lập là cá nhân;)



dd) Full name, ID number/passport number or number of another ID paper of the company's and signature of the company's legal representative.

When receiving the notification, Business Registration Office shall give a confirmation slip, examine the validity of documents, change information about the company's founding shareholders on National Enterprise Registration Database. Business Registration Office shall provide confirmation of change of enterprise registration information at the request of the enterprise.

(c) Họ, tên, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khi nhận thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.)

5. If documents about change of information about founding shareholders of a joint-stock company are not satisfactory, Business Registration Office shall request the company to complete the documents within 03 working days”.

(5. Trường hợp hồ sơ thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần không hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc”.)

17. Article 55 is amended as follows:

(17. Sửa đổi Điều 55 như sau:)

“Article 55. Publishing of enterprise registration information

(“Điều 55. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)

1. The request for publishing of enterprise registration information shall be made at the time the enterprise submits the application for enterprise registration.

(1. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.)

2. Enterprise registration information shall be published on National Business Registration Portal”.

(2. Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.)

18. Clause 3 of Article 58 is amended as follows:

(18. Sửa đổi Khoản 3 Điều 58 như sau:)

“3. In case information in the application for enterprise registration is not truthful or not accurate, Business Registration Office shall notify a competent authority to handle the case as prescribed by law soft and request the enterprise to remake the application in order to be reissued with the certificate of enterprise registration. The certificate of enterprise registration shall be reissued within 03 working days from the receipt of satisfactory application”.

(“3. Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng



nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp”.)

19. Article 62 is amended as follows:

(19. Sửa đổi Điều 62 như sau:)

“Article 62. Detecting false information in application for enterprise registration
(“Điều 62. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo)

1. If there are grounds to detect that information in the application for enterprise registration is false, the organization or individual has the right to request Business Registration Office to revoke the certificate of business registration and has the responsibility to provide one of the necessary documents specified in Clause 2 of this Article to Business Registration Office.

(1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có trách nhiệm cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh một trong các văn bản cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.)

2. Documents certifying information in application for enterprise registration is false include:

(2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo bao gồm:)

a) A legitimate copy of document provided by a competent authority that the documents granted by the applicant are forged; or

(a) Bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản khẳng định văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; hoặc)

b) A legitimate copy of the conclusion given by a police authority that the information in the application for enterprise registration is false;

(b) Bản sao hợp lệ văn bản kết luận của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;)

3. In case the act of falsifying information in the application for enterprise registration needs to be investigated as the basis for revocation of the certificate of enterprise registration as prescribed in Point a Clause 1 Article 211 of the Law on Enterprises, Business Registration Office shall send a written request for investigation enclosed with the application for enterprise registration to the authorities specified in Points a and b Clause 2 of this Article. Such authorities shall give a written response to Business Registration Office within 30 working days from receipt of the written request. If documents in the application for enterprise registration are forged according to the conclusion given by the aforementioned authorities, Business Registration Office shall revoke the certificate of enterprise registration under the procedures in Clause 1 Article 63 of this Decree.

(3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Căn cứ kết luận của các cơ quan nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục



quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định này nếu nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo”.)

20. Article 63 is amended as follows:

(20. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:)

“Article 63. Procedures for revocation of certificate of enterprise registration
(“Điều 63. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

1. In case the application for enterprise registration is fraudulent:

(1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo:)

If the application for registration of a new enterprise is found fraudulent, Business Registration Office shall issue a notice of violations and a decision to revoke the certificate of enterprise registration.

In case information in the application for change of enterprise registration information or notification of enterprise registration information is found fraudulent, Business Registration Office shall issue a notice of violations and cancel the changes that are made according to fraudulent information, restore the certificate of enterprise registration according to the latest valid documents, and notify a competent authority.

(Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.)

2. In case an enterprise is established by an individual or organization banned from establishing enterprises as prescribed in Clause 2 Article 18 of the Law on Enterprises:

(2. Trường hợp doanh nghiệp đã đăng ký có cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp:)

a) If the enterprise is a private enterprise or single-member limited liability company owned by an individual: Business Registration Office where the enterprise was registered shall issue a notice of violations and a decision to revoke the certificate of enterprise registration.

(a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân là chủ sở hữu: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

b) If the enterprise is a multi-member limited liability company, single-member limited liability company owned by an organization, joint-stock company, or partnership: Business Registration Office where the enterprise was registered shall request the enterprise in writing to replace the member(s) or shareholder(s) banned from establishing enterprises within 30 days from the date of request impossible failure alike. If such member(s) or shareholder(s) is/are not replaced by the aforementioned deadline, Business Registration Office shall issue a notice of violations and a decision to revoke the certificate of enterprise registration.

(b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, công ty cổ phần và công ty hợp danh: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp thay đổi thành viên hoặc cổ đông thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông, thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. In case an enterprise violates Point c Clause 1 Article 211 of the Law on Enterprises, Business Registration Office shall issue a notice of violations and request the legal representative of the enterprise to explain at Business Registration Office. If the legal representative of the enterprise does not explain within 10 working days from the date written in the notice or the explanation is not approved, Business Registration Office shall issue a decision to revoke the certificate of enterprise registration.

(3. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm điểm c Khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

4. In case an enterprise fails to send reports as prescribed in Point c Clause 1 Article 209 of the Law on Enterprises, within 10 working days from the deadline prescribed in Point d Clause 1 Article 211 of the Law on Enterprises, Business Registration Office shall issue a notice of violations and request the legal representative of the enterprise to explain at Business Registration Office. If the legal representative of the enterprise does not explain or the explanation is not approved within 10 working days from the date written in the notice, impossible failure revoke Business Registration Office shall issue a decision to revoke the certificate of enterprise registration.

(4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

5. In case of enforcement of a tax decision as prescribed in Clause 26 Article 1 of the Law on the amendments to the Law on Tax administration, within 10 working days from the receipt of the request for revocation of the certificate of enterprise registration issued by the head of the tax authority as prescribed in Clause 31 Article 1 of the Law on the amendments to the Law on Tax administration, Business Registration Office shall revoke the certificate of enterprise registration in accordance with the procedures in Clause 4 of this Article.

(5. Trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ



sung một số Điều của Luật quản lý thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 4 Điều này.)

6. Business Registration Office shall cooperate with relevant regulatory authorities in considering the explanation as prescribed Clauses 3, 4 and 5 of this Article.

(6. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.)

7. After receiving the decision to revoke the certificate of enterprise registration, the enterprise shall initiate procedures for dissolution as prescribed in Article 203 of the Law on Enterprises.

(7. Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật doanh nghiệp.)

8. Information about revocation of the certificate of enterprise registration shall be entered into National Enterprise Registration Information System and sent to the tax authority.

(8. Thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi sang cơ quan thuế.)

9. If a court issues a decision to revoke the certificate of enterprise registration, Business Registration Office shall issue a decision to revoke the certificate of enterprise registration under the court's decision".

(9. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở quyết định của Tòa án".)

21. Article 65 is amended as follows:

(21. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:)

“Article 65. Following procedures for registering enterprise dissolution under a decision issued by a court or commercial arbitration center

(“Điều 65. Giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại)

1. The application for change of enterprise registration information or other information related to enterprise registration under a court's decision shall be sent to Business Registration Office within 15 working days from the effective date of a decision issued by a court or commercial arbitration center.

(1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại có hiệu lực thi hành, người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại gửi đề nghị đến Phòng Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.)

2. The applicants for registration of change of enterprise registration information or other information related to enterprise registration prescribed in Clause 1 of this Article are:

(2. Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc nội dung khác liên quan đến đăng ký doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm:)



a) Individuals or organizations appointed to apply for registration under a decision issued by a court or commercial arbitration center;
(a) Cá nhân, tổ chức được chỉ định thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại;)

b) Enterprises;
(b) Doanh nghiệp;)

c) Judgment enforcement authorities.
(c) Cơ quan thi hành án.)

3. An application for change of enterprise registration information includes:
(3. Hồ sơ đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp bao gồm:)

a) An application form for change of enterprise registration information;
(a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;)

b) A legitimate copy of the effective decision or judgment issued by a court or commercial arbitration center”.
(b) Bản sao hợp lệ bản án, quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại đã có hiệu lực pháp luật”.)

Article 2. Implementation clause *(Điều 2. Điều Khoản thi hành)*

This Decree comes into force from October 10, 2018.
(Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2018.)

Article 3. Responsibility for implementation *(Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện)*

1. The Ministry of Planning and Investment shall provide guidelines for the implementation of this Decree.

(1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.)

2. Ministers, heads of ministerial agencies, heads of Governmental agencies and Presidents of People’s Committees of provinces and central-affiliated cities are responsible for the implementation of this Decree./.

(2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.)

**ON BEHALF OF THE GOVERNMENT
THE PRIME MINISTER**

NguyenXuan Phuc

